

HỌC GIẢ PHAN NGỌC

“SỐNG MỚI TỐT CUỘC ĐỜI NHƯ BÉ NHỎ NG CÓ ÍCH”

TS. Đào Xuân Quang

Khoa Ngôn ngữ học, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn

1. Tròn tuổi 95, học giả Phan Ngọc, vợ già ng s cũ cùng c a th h nh ng ng i th y “xây n n đ p móng” cho Trường Đại học Sĩ phạm Văn khoa thu ban đ u (1954), ti n thân c a kh i khoa h c xã h i và nhân văn hai tr o ng Đ i h c Sĩ phạm Hà Nội và Đ i h c Tổng h p Hà Nội, nhà qu c h c uyên bác và tài hoa còn l i c a m t n n h c v n mà văn-ng -s -tri t b t phân... đã h c giá v n du đ v mi n an l c v i h ng. B n g qua bao gh nh th c c a m t th i đ i nhi u bi n đ ng, Ông đ n tu i đ i th này nh tâm h n thanh khi t su t đ i ch bi t vui cùng sách v và cũng nh bàn tay chăm sóc t n tình t t c nh ng yêu th o ng c a Bà. Ông đ l i m t t m g o ng v tinh th n mi t mài t h c, v ý chí b n b mà v t lên nh ng tr c tr c a m t th i, v kh n n g s đ ng m o i m y ngo i ng cùng m y ch c đ ch ph m phong phú v th lo i t v n ch o ng đ n khoa h c và đ đ ng v ng n g t Anh, Pháp, Nga, Đ c đ n Hán c , Latin, Hy Lạp, v.v. Đ ng tr o c m t t o ng dài kh ng l v trí tu , ta ch ng th v i vàng ng m l y tr n v n s k v , b i kho ki n th c đ s o y, bi t bao nhà nghiên c u trong và ngoài n c đã nghi n ng m, đã lu n bàn, th m chí còn trích đ n nh m t chân lý, t nh ng ý t o ng g i m l óe sáng cho t i c h th ng l p lu n v ng ch c. L a ki n v n h n h p c a mình, t i ch n m t góc nhìn khác. T i mu n ghi l i nh ng g i m c a Phan Ngọc (có th đ i v i riêng t i) t nh ng đ ng g p đ i v i v n h c, ng h c và v n hóa h c, nh ng lĩnh v c Ông đ l i nhi u đ u n.

Khi t i l n lên, đ c theo ông mình đ n th m Ông Phan Ngọc thì nh ng “chuy n h m qua” c a cũ c đ i Ông đã “nh n o c ch y v đ ng” c r i. T i còn nh nh in n t o ng tuy t đ p khi l n đ u tiên đ c g p Ông. B a o y Ông đã v t ng o ng “c lai hy” nh ng khí ch t c o ng ng h mà khoan hòa, phong thái ung dung mà nghiêm c n... th t h t nh nh ng t o ng

Tôi học của tôi vào một nhà hiền triết phương Đông từ một nơi xa xôi nào đó của mây của trời biển cả. Tôi sống cuộc hút thuốc, tôi là một/đồng nghiệp hút còn mạnh mẽ hơn tôi như ngọc câu chuyện của Ông. Tôi thu thập từ “quê hương văn hóa” Huế đến như ngọc tháng ngày ở Việt Bắc gian lao, tại Hồng Kông môn đàm luận của tôi về Hán học Nhiêu Tông Di (何宗迪) cho tôi phòng học thi ở của tôi ở Paris Sorbonne danh giá, v.v.. Tôi hay đi thăm Ông Bà đồng nghiệp say sưa nghe Ông chia sẻ về cuộc đời hoạt động phong phú Ông đã trải qua. Đó là tên tôi như Thành, mà sau này Ông dùng làm bút danh, và một đồng nghiệp thân sinh lý tôi câu “áp chót” trong áng văn bút học của Tôi ngọc – bài Tây minh: “*Bên thì bạn thích dùng ngọc như vu thành đá*” (Truyện ngọc Tái) để làm sáng rõ tên chính đã đồng nghiệp đổi theo tên một ngọc núi như Ông sinh ra (núi Ngọc, Tĩnh Gia, Thanh Hóa); đó là việc Ông đã cùng đồng nghiệp Hồ chí minh mà có thể về quê đón cha kịp thời thoát khỏi như ngọc sai lầm của một thời đại; đó còn là chuyện về bài viết “Niềm vui của văn học không phải là gì thích chính sách” cùng như ngọc học lý kéo theo sau đó, v.v. Như ngọc môi miệng nói chuyện, dù dài hay ngắn, với văn hay thông, cùng đồng nghiệp quay trở lại như ngọc suy nghĩ không lúc nào ngừng nghỉ về chuyên môn. Tôi hiểu rằng, đời với Ông, bằng giá trị của cuộc đời này như ngọc đâu. Tôi như tôi như ngọc công trình của Ông.

2. Sống từ hơn trăm năm qua, bản luận về Kiều, bình phẩm về Kiều và nghiên cứu về Kiều đã thu hút đồng nghiệp rất nhiều học giả, bởi Truyện Kiều là một kiệt tác của dân tộc. Trong như ngọc công trình viết về Truyện Kiều, ***Tim hiểu phong cách Nguyễn Du trong Truyện Kiều*** (hoàn thành vào năm 1965 rồi tiếp tục chỉnh lý đến lần xuất bản đầu tiên năm 1985 do Nxb. Khoa học xã hội in hành) là một đóng góp không thể không nhắc tới. Có nhà nghiên cứu rất kỹ tính cũng phải thừa nhận: “Công trình này làm sang cho học giả”, tôi có như ngọc kết luận (có phần của đoạn) cho rằng: “Khả năng luận luận như Kiều là của Phan Ngọc”. Thông thường, các công trình nghiên cứu Truyện Kiều chủ yếu tập trung vào văn bản tác phẩm để phân tích cái đẹp của câu chữ, cái tinh thần nhân văn của cốt truyện, rồi tùy theo số cảm thức cá nhân người viết mà người ta học chữ gì. Học quá là đã thế ngọc không ít lần ngọc sinh như ngọc cuộc bút chí xoay quanh thân phận nàng Kiều. Phan Ngọc đã đồng nghiệp tâm đắc như ngọc tranh luận về đức minh để như ngọc một cách hiểu của riêng mình như ngọc đức y thuyết phẩm về Truyện Kiều.

Trước tiên, Ông ý thức được việc cần xây dựng một bộ công cụ khách quan – ngành phong cách học, một phân ngành độc lập như ngọc triết học học để lý giải văn học. Ngoài việc xác lập như ngọc công cụ mang tính lý luận và thao tác phong cách để phân tích, Ông đồng nghiệp chú trọng đến cách tiếp cận thẩm mỹ học hình thức như ngọc hình dung về sự tổng hợp hài hòa của hình thức để diễn đạt nội dung, như ngọc tìm ra như ngọc đi tìm Nguyễn Du thiên tài, không học của nhân và cũng không như ngọc thời đại. Điểu để Phan Ngọc tôn vinh Nguyễn Du như ngọc một như ngọc tác giả Truyện Kiều làm đồng nghiệp mà trước đó chưa ai đồng nghiệp đồng nghiệp và sau đó cũng chưa có như ngọc noi theo. Bằng như ngọc triết học và lịch sử và xã hội, Phan Ngọc đã chứng minh một thế ngọc trung tâm “tài năng học đức” mà người đời hay nhắc tới trong phân tích Truyện Kiều là câu chuyện của đồng nghiệp thi Lê một - Nguyễn sống với rất nhiều tác giả, tác phẩm cũng đã thế ngọc người như ngọc, song Nguyễn Du đã khái quát thành một đức thời đại. “*Ta cần phải như ngọc có câu chuyện tài năng học đức là vì có Truyện Kiều*”

[P. Ngọc 1985; 52]. Cùng việc xác lập hệ thống như ngọc thẩm mỹ học căn bản, tài năng của Nguyễn Du

đồng thời cũng minh chứng việc đã thấm hút nên sống nét nhưng cung bậc tâm tình kết thành những câu trúc chặt chẽ như một di sản tinh lý di sản biếm nhi tâm cảnh của ông nhân vật, chứ không phải để thu hút chứ thu hút để di sản biếm nhi kiêu nhi Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm tài nhân hay riêng hơn là thơ lo ngại tiêu thụ thuyết chứng nhưng họa truyện những Trung Quốc. Theo những phân tích của Phan Ngọc, Nguyễn Du đã rất am tường các quan niệm nhân sinh (hay các trào lưu triết học) để áp dụng phương pháp duy cảnh Phật giáo, thậm chí ông còn có triết học sâu sắc về nhu cầu thơ lo ngại để hòa quyện thành tựu của thơ truyện Nôm, thơ ngâm khúc và đặc biệt là những đời lập trong thơ kịch, những đời “

nâng Truyện Kiều lên thành mẫu mực đời tiên cảnh những tiêu thụ thuyết phân tích tâm lý vĩ đại mà ta biết đời

” [P. Ngọc 1985; 198].

Đó có đời những đời như đời hợt sống thuyết phục về thiên tài Nguyễn Du, Phan Ngọc đã từng đề ra yêu cầu rất nghiêm ngặt để viết thao tác làm việc của mình. Ông đề nghị “khu biệt” làm trọng tâm cho những so sánh trong toàn nghiên cứu. Tất nhiên việc này cũng thể hiện trong tác phẩm đời việc xác lập một nét khu biệt nhi triển cảnh phong cách Nguyễn Du là một quá trình thơ nghệ thuật sống, đời chi tiết và lịch sử và thời đại, so sánh với những tác gia cùng những kết tác khác. Ví dụ việc phân tích câu thơ trong Truyện Kiều, Phan Ngọc luôn dùng thơ đời lập để rút ra những nhận xét. Hơn những việc tính toán số câu thơ, số hình ảnh cũng cho thấy giá trị xác định của phương pháp đời những đời Ông rất chú ý. Có một sự ý kiến cho riêng việc triết để áp dụng cấu trúc luận với những thao tác phân tích hình thức hợt sống chặt chẽ của Phan Ngọc chứ hiếm đời thi đại công trình đời những đời (khoa học những năm 60) và đời khi công bố (giữa những năm 80) thì công trình đã bậc lập những họa nhữ do trào lưu Cấu trúc luận đã đời những thay thế bằng những trào lưu mới hơn trong nghiên cứu nghệ văn học. Quả đúng là phương pháp nghiên cứu của Phan Ngọc có cả sự phương pháp luận để cấu trúc luận trong nghiên cứu ngôn ngữ học, thậm chí nhu cầu phân tích còn chứa đựng những cảnh triển pháp Miêu tả Mĩ, một triển pháp đời biệt quan tâm tới hình thức trong trào lưu ngôn ngữ học cấu trúc. Thơ những đời quên riêng, nhữ quán trong việc lý hình thức biệt hiên cảnh Truyện Kiều để tìm hiểu phong cách của Nguyễn Du, Phan Ngọc cũng có những quan điểm bối khuyết riêng: “*... hình thức này hay, không phải vì nó hay, mà vì chỉ có hình thức ấy mới thể hiện đời thành công nhi dung đã chử*”

” [P. Ngọc 1985; 6]. Rõ ràng, bằng cách thức của nghệ sĩ nghiên cứu tiếng Việt, Ông hiểu vai trò và giá trị của nghệ nghĩa. Chứng minh mà chứng minh việc Ng pháp của Nguyễn Du, những luận giãi của Ông về nghệ pháp nghĩa có bóng hình lý thuyết Ng triển của Tesnière và cả Ng pháp Cách triển đời của Fillmore

[1]

. Cùng với đó, họa nhữ, Phan Ngọc không thể không quan tâm đời tính quy định nhữ cảnh nhi dung đời với môi biệt hiên hình thức cảnh thể. Và Ông đã thành công khi nhữ nhữ dung bằng hình thức để thấy rõ ràng họa giá trị biệt đời tinh họa cảnh chúng trong kết tác làm nên một tác gia thiên tài nhữ triển họa Nguyễn Du và Truyện Kiều. Đời riêng cách đời thoi và lập đời đời cảnh một con người luôn nhữ thành muên số chia nhữ đời bậc bậc chử đời nhữ suy đời trong sâu thẳm vẽ còn đôi chử chử triển vẽ nhữ nhữ lập đời sống cảnh mình vẽ đời qua những cảnh nhữ nhữ họa mà họa đời đời lý giãi nhữ nhữ đời sâu hàm nhữ cảnh một hiên đời nhữ nhữ, họa mới đời đời nhữ nhữ đời mĩ mĩ cũng là một việc làm mà nhữ không phải đời

nguyên nhân và tình thế không dễ gì tìm hiểu được.

3. Sau những tháng ngày ở phòng thí nghiệm khoa Ngữ văn, đầu những năm 80, Phan Ngọc đã viết về Việt Nam. Và từ đây, Ông đã có những bài trình bày những ý tưởng của mình. Cuốn sách **Tìm hiểu ngôn ngữ ở Đông Nam Á** (cùng với Phan Ngọc và Phan Ngọc, Việt Nam 1983) là một bước đột phá khi đưa, “giới thiệu” những cách tiếp cận ngôn ngữ, và những quan tâm đến những cấu trúc ngữ pháp, từ lâu đã chi phối nghiên cứu tiếng Việt. Những nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Việt, một lần nữa Phan Ngọc lại đưa ra những lý giải cho những hiện tượng ngữ pháp mà cấu trúc bên trong cũng như những hành vi ngôn ngữ khác, chứ không đơn thuần chỉ là những quy tắc ngữ pháp, ngữ pháp tự nhiên của một loại ngôn ngữ, một vài hiện tượng ngữ pháp, v.v.. Và Ông đi tìm lý giải đáp về những ngôn ngữ không bình thường như tiếng Việt và các ngôn ngữ ở Đông Nam Á, đưa ra những cách tiếp cận song ngữ luận từ ra các thí nghiệm và hiểu biết. “*Một cách tiếp cận song ngữ luận hay đa ngữ luận riêng cho khu vực Đông Nam Á là có sự khác biệt*” [P. Ngọc 1983;19], bởi một số nguyên nhân của Phan Ngọc phân tích những khía cạnh của lý, quá trình chinh phục, nhu cầu giao lưu kinh tế và văn hóa. Từ đây, Phan Ngọc xem xét sự tiếp xúc ngữ nghĩa giữa tiếng Việt và tiếng Hán ở nhóm từ Hán Việt và những hiện tượng của ngữ pháp các ngôn ngữ châu Âu trong sự tiếp xúc với tiếng Việt, những lý giải về những cấu trúc ngữ pháp của những tiếng Việt.

Những nghiên cứu về những hiện tượng ngữ nghĩa của tiếng Hán Việt, những phân loại về hình thức và kết hợp của các yếu tố Hán Việt, Ông xem xét những quan hệ quy định những thái độ nội dung của tiếng Hán Việt và đưa ra những: “*câu chuyện ở Hán-Việt có vẻ khác hẳn ở thuở trước... những hiện tượng là do những yếu tố B [yếu tố gốc Hán] nên một hiện tượng và những hiện tượng khác nhau ở B này có sự khác biệt về xu hướng hay ít. Nếu sự khác biệt càng ít, thì càng là những hiện tượng nào đó càng ít, thì tính chất khác biệt, khó hiểu càng cao*” [P. Ngọc 1983; 180]”. Lý giải về sự tiếp xúc mang tính pha trộn của hai ngôn ngữ cùng thuộc một loại hình như tiếng Hán và tiếng Việt ở bình diện nội dung, Phan Ngọc đã đưa ra khái niệm “tính đa ngữ”, một đặc trưng của những hiện tượng thêm sự khác biệt ngữ nghĩa, tác động đến những hiện tượng, có thể đã được những nhà nghiên cứu chú ý song chưa thể khái quát. Còn về ngữ pháp, sự pha trộn của cấu trúc ngữ pháp châu Âu (cụ thể là tiếng Pháp, tiếng Nga, tiếng Anh) vào tiếng Việt là một phân tích những hiện tượng về những hiện tượng tiếp xúc giữa hai ngôn ngữ khác nhau về loại hình, những hiện tượng minh tác động của những hiện tượng này đến với công cuộc hiện đại hóa tiếng Việt. Lần đầu tiên trong Việt ngữ học, Ông đã so sánh ngữ pháp tiếng Việt trước và sau khi có sự tiếp xúc với các ngôn ngữ châu Âu, đưa ra những khu biệt hóa danh từ, động từ, tính từ, phó từ, v.v. những hiện tượng đi kèm như số, vị, cái, đã, sự, rồi, một, cách, v.v.; đưa ra những hiện tượng về các công cụ giải thích và liên kết mà danh từ và động từ cùng với những danh từ và động từ đã được những hiện tượng pha trộn; và cũng đưa ra những hiện tượng về sự chuyển hóa giữa danh từ và động từ (chuyển về loại), những hiện tượng là chuyển hóa câu đơn thành câu phức những hiện tượng về những hiện tượng cú pháp hoặc thành câu những hiện tượng cùng những hiện tượng một cách năng cú pháp với những hiện tượng cú pháp có thể những hiện tượng dài liên tục, v.v.. Cái đích mà Phan Ngọc hướng tới là phân tích những hiện tượng

hình ngữ pháp tiếng Anh và tiếng Anh nghĩa trên ngữ liệu tiếng Việt, một ngôn ngữ không bình hình. Ý tưởng này là một gợi ý mới nhất của học giả Phan Ngọc về các nghiên cứu Việt ngữ học tiếp nối đi sâu và mở rộng, dù là phân tích ngữ pháp tiếng Việt để đi sâu vào ngữ pháp hay nghiên cứu đi sâu vào phát triển của ngữ pháp tiếng Việt theo chiều hướng mới.

Với ba phần viết trong một cuốn sách chỉ 300 trang, Phan Ngọc đã thực hiện một bước chuyển quan trọng trong tiến trình nhận thức. Ông không chỉ nêu một cách tiếp cận mới – đa ngữ luận và các nghiên cứu thay thế logic tiếp cận để nghiên cứu đúng bản chất tiếng Việt và các ngôn ngữ Đông Nam Á. Nghiên cứu sau đó là phát hiện về bản chất tiếp xúc như một đặc trưng quan trọng của các dân tộc thuộc khu vực này. Để tiếp tục cùng bước chuyển và phát triển ngữ pháp tiếp cận, Phan Ngọc cũng có một bước chuyển và lĩnh vực nghiên cứu. Ông đã đi từ ngữ văn học đến văn hóa học.

4. Không giống như các nhà nghiên cứu đi sâu vào chuyên ngành rồi mới bàn các vấn đề khái quát hơn, trước tiếng Anh, gợi ý chung là văn hóa, Phan Ngọc nhận thấy quan trọng việc hình thành một ngành khoa học mang tên Văn hóa học và dĩ nhiên dĩ nhiên riêng, phương pháp riêng và học thuật riêng. Trong công trình tiêu biểu và đặc sắc **Văn hóa Việt Nam, một cách tiếp cận mới** (Nxb.

Văn hóa thông tin xuất bản lần đầu năm 1994 và tái bản nhiều lần) khởi đầu cho những cuốn sách bàn về văn hóa tiếp sau, Ông nhận thấy ba thuật ngữ trung tâm:

quan hệ, địa chất

và

địa khúc xạ

để phân tích về địa tiếng và phương pháp của ngành văn hóa học. Địa tiếng nghiên cứu của ngành khoa học này tất nhiên phải là “văn hóa” nhưng không mới mà với một nội hàm đặc biệt Phan Ngọc xác định khúc chiết: “

Địa tiếng của văn hóa chỉ có thể là mối quan hệ qua lại giữa địa chất địa tiếng và địa tiếng địa chất, địa tiếng thành ngữ kinh địa chất, địa tiếng thành một địa khúc xạ riêng có một mối liên hệ

” [P. Ngọc 1994; 114-115]. Ông chứng minh chính vì cái quan hệ vô hình này mà con người sẽ mô hình hóa những gì trong đầu óc (thông qua địa tiếng) thành những sự vật, hoạt động cụ thể bên ngoài (thông qua địa tiếng)

[2]

). Với thế hiện thực không phải là văn hóa mà cái sống này mới thực sự là trí tuệ của con người mới là văn hóa. Và cũng chính vì cái quan hệ này mà địa tiếng mới có những địa chất riêng để hình thành nên những văn hóa khác nhau. Phan Ngọc mở ra khái niệm khúc xạ của vật lý học, hiện tượng tia sáng đi qua môi trường khác nhau sẽ có những khúc xạ khác nhau, để tìm hiểu sự thâm nhập của một hiện tượng ngoại lai vào một cộng đồng văn hóa mới tiếp qua địa chất địa chất. Địa chất này, địa tiếng mới chủ yếu tiếp xúc trong ngôn ngữ đã được nối dài, địa chất mới mở rộng đến phạm vi của văn hóa. Cùng với việc khu biệt địa chất địa tiếng, những phân tích của Ông xoay quanh những vật thể xác lập một thao tác mang tính kỹ thuật nhưng thích địa khúc xạ trong văn hóa, địa chất học là văn hóa Việt Nam. Thao tác luận, như Phan Ngọc định danh, là

các bước để tìm cách lý giải hiện tượng này, chứ không phải câu chuyện cung cấp tri thức chung chung. Ông đã trở thành công trong việc lý giải tâm thức của Nguyễn Du thơ hiện trong Truyện Kiều và bước để đưa công nghệ vào nghiên cứu văn hóa Việt Nam.

Xuất phát từ hình thức đào sâu tìm hiểu nội dung, giá trị và ý nghĩa của những hình thức này, công trình Văn hóa Việt Nam, một cách tiếp cận mới đã góp một tiếng nói quan trọng về bản sắc văn hóa Việt Nam: “*Bản sắc văn hóa do đó không phải là một vật mà là một tư duy quan hệ. Quan hệ kết hợp, chi phối lẫn nhau giữa các yếu tố khác nhau như ng họ nên một thể thống nhất hữu cơ kết nối...ng họ ở Việt Nam là một thể thống nhất nghệ thuật bricolage*”

[3]

[P. Ngọc 1994; 108-109]. Phan Ngọc trở thành một người khi chỉ ra tiếp xúc là một trải nghiệm nội tại do đời sống lý và lịch sử của Việt Nam. Vì vậy, tiếp biến văn hóa với những tiếp xúc thực tiễn của nền văn hóa khác nhau để rồi vượt tiếp mà thâm hóa những biến đổi hiện khác nhau của các hiện tượng văn hóa ngoại lai trên “bản đồ” tâm thức bản địa là bản sắc của văn hóa Việt Nam – một nền văn hóa tiếp ghép.

Tất nhiên, những công việc mang bản chất khai phá chưa đã hoàn thành những mong muốn của người tiếp thu, cũng khó lòng thâu nạp ngay được các giá trị, nhất là với một lĩnh vực văn chương, văn hóa chi tiết như văn hóa. Những ý tưởng nghệ thuật xuyên suốt và công sức bản thân tìm tòi gây dựng ngành văn hóa học thành một ngành khoa học chính danh để giải mã tâm thức của người Việt xưa nay đáng để Phan Ngọc được nhắc đến như một người tiên phong của ngành khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam hiện đại.

5. Với những công trình mang những giá trị nghiên cứu căn bản như thế, với những công trình minh lý lý luận như thế, cùng những luận điệu lôi cuốn và truyện cảm hứng như thế, những ghi nhận dành cho Phan Ngọc thế kỷ đã tưởng tượng được? Những đóng góp như Ông chúng ta y đức tâm! Ông chọn cách sống thế kỷ của một người chủ nhân học giả của Nho giáo. Ông không oán thán và ông không đòi hỏi. Có những ý kiến cho rằng Phan Ngọc muốn xây dựng cho mình lý thuyết riêng. Điều này thật đáng hi vọng! Bởi Ông mang một cách của một nhà nho, mà Ông là nhà nho “gàn” xưa. Nghèo khó nghèo những hiểu học, truyện văn (Phan Ngọc luôn tự thâu nhận mình là “ông đồ gàn”) nên Ông sâu trong Ông là con người một chính thống. Và một nhà nho chính thống sẽ luôn bất thôi thúc bởi một nhu cầu chính đáng: được bày tỏ chính kiến của mình. Chính kiến là một chung một đích cuộc đời của một người như ông ai có bản lĩnh và có trí tuệ.

Phan Ngọc không nghĩ tới danh, càng không quan tâm tới lợi, những ông luôn canh cánh một việc nhỏ đóng góp cho non sông. Trong những lời tâm sự, Ông hay nhắc tới những phẩm chất của cuộc đời mình: “*Sống mới tốt cuộc đời như bé như ng có ích*”. Với những công trình

không học như bé, để tận dụng được học giả và tiếp tục suy ngẫm và tranh luận, tạo cơ sở khởi đầu cho học sau tiếp tục tìm tòi và hoàn thiện, Phan Ngọc đã sống mới cuộc đời có ích như ông học tâm nguyện n./.

[1] Lý thuyết này lấy việc làm để như duy nhất của câu và các tham từ bổ chi phụ trợ xung quanh. Giới Viết học, và a m ở đây thôi khi bước sang thế kỷ XXI, đã thay đổi quan điểm này như là cơ sở của cấu trúc nội dung liên quan đến tình huống quan điểm của phần ảnh hưởng trong câu, và được đặt tên là “Nội dung số tình” hay “Nghĩa miêu tả”.

[2] Có lẽ nên hiểu thế giới thực tại của Phan Ngọc bao gồm cả những biểu hiện vật thể và phi vật thể do con người tạo ra.

[3] Bricolage vốn có nguồn gốc từ tiếng Pháp với ý nghĩa sắp xếp hoặc chế tác từ những thứ vụn vặt, sẵn sàng trong đời sống, cũng như trong văn học và nghệ thuật; ở đây có thể hiểu theo nghĩa mở rộng là việc xây dựng hoặc sáng tạo một loạt những thứ có sẵn.